

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
QUÝ III/2026**

Đắk Lắk, tháng 10 năm 2026

Quý III/2026, tại ngày ngày 30 tháng 09 năm 2026

$\frac{1}{\sqrt{2}}$ C C D $\frac{1}{\sqrt{2}}$

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2026)	Số đầu năm (01/01/2026)
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		735.462.288.098	719.462.608.658
I. Nợ ngắn hạn	310		390.801.297.062	279.960.054.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	47.391.090.147	44.296.027.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	21.590.562.188	15.400.615.661
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.16	26.079.492.532	5.552.940
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	21.624.790.674	23.666.025.674
5. Phải trả người lao động	315	V.18	107.765.256.186	70.912.375.420
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	3.755.810.769	7.007.508.417
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.20	29.978.684.856	29.109.561.375
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21.1	37.432.295.719	30.542.143.485
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.22.1	27.975.000.000	22.500.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	67.208.313.992	36.520.243.556
II. Nợ dài hạn	330		344.660.991.036	439.502.554.169
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.21.2	14.852.804.162	76.106.864.008
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.22.2	325.750.194.400	359.337.697.687
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		4.057.992.474	4.057.992.474
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.24	1.749.208.903.229	1.687.817.366.444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.185.301.491	53.247.622.491
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		115.023.601.738	76.569.743.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		116.503.020	110.813.425
- LNST chưa phân phối năm nay	420b		114.907.098.718	76.458.930.528
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.484.671.191.328	2.407.279.975.102

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Thương

Kế toán trưởng



Lê Thanh Bình

KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Giang



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
ĐẮK LẮK

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK, L=Buôn
Ma Thuật, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:6000175829
Reason: I have reviewed this
document
Location:
Date: 2026.10.28 15:06:27+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 (Quý III/2026)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III/2026 tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay (Kỳ này)	Quý này năm trước (Kỳ trước)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	234.456.913.074	173.272.032.034	563.106.883.417	415.072.085.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	93.333.450
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		234.456.913.074	173.272.032.034	563.106.883.417	414.978.751.875
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	232.444.130.332	161.688.535.344	543.393.047.792	385.784.800.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.012.782.742	11.583.496.690	19.713.835.625	29.193.951.560
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.286.486.575	22.008.199.761	81.611.268.027	87.898.603.749
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	9.410.403.890	6.855.395.738	27.881.023.853	15.079.338.451
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		8.754.777.336	6.662.767.891	26.275.753.053	14.630.080.574
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.704.472.164	3.215.357.859	8.897.384.152	7.840.355.251
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.175.880.985	5.494.825.138	23.327.180.149	19.087.695.989
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.991.487.722)	18.026.117.716	41.219.515.498	75.085.165.618
12. Thu nhập khác	31	VI.7	78.772.245.497	8.322.986.764	83.449.630.149	16.642.228.929
13. Chi phí khác	32	VI.8	157.186.106	4.401.069.198	690.202.619	4.707.889.806
14. Lợi nhuận khác	40		78.615.059.391	3.921.917.566	82.759.427.530	11.934.339.123
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.623.571.669	21.948.035.282	123.978.943.028	87.019.504.741
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.027.721.584	3.215.839.383	9.027.721.584	14.868.775.886
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		44.122.726	216.306.867
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.595.850.085	18.732.195.899	114.907.098.718	71.934.421.988

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ THANH BÌNH



K.T. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRẦN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý III/2026, tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		567.737.697.159	438.651.930.901
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(351.825.705.346)	(219.199.718.567)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(157.415.162.789)	(130.367.565.504)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(27.908.021.573)	(11.215.221.261)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.17	(11.000.000.000)	(2.600.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		107.751.441.361	41.171.666.765
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(130.447.306.538)	(208.541.256.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.107.057.726)	(92.100.163.918)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(97.287.059.108)	(50.152.299.354)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.870.749.888	1.177.119.739
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(108.801.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.001.164.384	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(250.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		52.470.026.013	188.051.520.000
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80.311.845.537	18.082.467.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.565.726.714	137.158.558.162
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	41.000.000.000	283.914.204.263
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(66.475.000.000)	(308.371.887.270)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(256.260.408)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.731.260.408)	(24.457.683.007)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.272.591.420)	20.600.711.237
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		99.192.416.571	67.896.735.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(160.295.919)	793.493.628
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		81.759.529.232	89.290.939.908

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng







HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán Quý III/2026, kết thúc tại ngày 30/09/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán Quý III/2026, kết thúc tại ngày 30/09/2026 của Công ty CP Cao su Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019. Mã chứng khoán của Công ty là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cao su; trồng cây cà phê, cây ăn quả; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây ăn quả;...
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động trồng rừng keo chu kỳ sản xuất kinh doanh kéo dài hơn 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty nhận tiền bồi thường do Nhà nước thu hồi 100,25ha đất tại Xã Cuôr Đăng để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phú Xuân (giai đoạn 2 – đợt 1) với số tiền là 77.199.281.000 đồng.

Ngoài ra không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/09/2026, Công ty có 03 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 công ty đầu tư dài hạn khác và 08 đơn vị trực thuộc. Thông tin khái quát về các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư dài hạn và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/09/2026			Tại ngày 01/01/2026		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Cao su Đắknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
2.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondulkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%
3.	Công ty TNHH Kiểm nghiệm và Xuất khẩu nông sản Tây Nguyên	Km 20, Quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Kiểm nghiệm, giám định sản phẩm nông nghiệp; bán buôn rau quả, trái cây; đóng gói sản phẩm nông nghiệp	100%	100%	100%	0,00%	0,00%	0,00%

Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/09/2026			Tại ngày 01/01/2026		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
2.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
3.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%

Công ty đầu tư dài hạn khác

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/09/2026			Tại ngày 01/01/2026		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	10,37%	10,37%	10,37%	9,77%	9,77%	9,77%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc

TT	Tên Công ty	Hạch toán	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Báo sổ	Thôn Ea Mtá A, Xã Ea Ktur, Tỉnh Đắk Lắk
2.	Chi nhánh Nông trường Cư Kpô	Báo sổ	Thôn Thống Nhất, Xã Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Báo sổ	Thôn 8, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Báo sổ	Km 20, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Báo sổ	Km 20, tỉnh lộ 8, Xã Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk
6.	Nhà máy chế biến mũ cao su	Báo sổ	Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk
7.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	Phụ thuộc	30 Nguyễn Chí Thanh – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Nhà máy chế biến chỉ thun	Phụ thuộc	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 2.087 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2025 là 2.081 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Theo đó, tỷ giá áp dụng để quy đổi các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư cuối kỳ trước của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong Báo cáo tài chính năm nay là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Số dư đầu năm được chuyển từ số dư cuối năm 2025 theo chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Số liệu so sánh năm 2025 được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý III/2026, kết thúc tại ngày 30/09/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

5925
CÔNG TY
TÂN AN
SU
ĐẮK
LẮK

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ pháp lý và quy định liên quan

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (tỷ giá trung bình) tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá trung bình tại ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng/hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được phản ánh theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian cho vay và lãi suất thực tế.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với phần giá trị tổn thất dự kiến. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết. Nếu Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

6. Hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường. Đối với bất động sản thành

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

phẩm, giá gốc bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, chi phí trực tiếp và các chi phí liên quan khác phát sinh trong quá trình đầu tư và hoàn thiện sản phẩm.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thể chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc các chi phí trực tiếp khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- **Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- **Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu**

Chi phí nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán. Chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường.

- **Chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho đối với những hợp đồng có rủi ro lớn**

Đối với các hợp đồng có rủi ro lớn hoặc có dấu hiệu tổn thất, Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của hàng tồn kho liên quan. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hoặc chi phí thực hiện hợp đồng dự kiến vượt quá lợi ích kinh tế thu được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất theo quy định hiện hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09
Vườn cây lâu năm	20

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm. Cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,5	Năm thứ 11	7,0
Năm thứ 2	2,8	Năm thứ 12	6,6
Năm thứ 3	3,5	Năm thứ 13	6,2
Năm thứ 4	4,4	Năm thứ 14	5,9
Năm thứ 5	4,8	Năm thứ 15	5,5
Năm thứ 6	5,4	Năm thứ 16	5,4
Năm thứ 7	5,4	Năm thứ 17	5,0
Năm thứ 8	5,1	Năm thứ 18	5,5
Năm thứ 9	5,1	Năm thứ 19	5,2
Năm thứ 10	5,0	Năm thứ 20	

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Tài sản cố định sinh học

Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc trừ (-) dự phòng tổn thất tài sản (nếu có). Giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí thực tế liên quan trực tiếp đến việc hình thành, nuôi trồng và phát triển tài sản sinh học đến thời điểm có thể thu hoạch hoặc đạt trạng thái sẵn sàng sử dụng theo mục đích của Công ty.

Tài sản sinh học bao gồm cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm nông nghiệp gắn liền với quá trình biến đổi sinh học dưới sự quản lý của Công ty. Sản phẩm thu hoạch tại thời điểm thu hoạch được ghi nhận là hàng tồn kho và áp dụng chính sách kế toán hàng tồn kho của Công ty.

Phân loại tài sản sinh học

Cây trồng và vật nuôi lấy sản phẩm một lần hoặc theo mùa vụ: bao gồm cây trồng ngắn hạn, cây lấy gỗ, cây nông nghiệp theo vụ và vật nuôi lấy thịt hoặc sản phẩm một lần. Các tài sản này được ghi nhận là tài sản sinh học trong quá trình hình thành đến thời điểm thu hoạch.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá gốc

Giá gốc tài sản sinh học bao gồm chi phí giống, chi phí mua, chi phí chăm sóc, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung liên quan trực tiếp đến quá trình hình thành tài sản sinh học.

Các chi phí không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai hoặc không liên quan trực tiếp đến tài sản sinh học được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Sản phẩm nông nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Sản phẩm thu hoạch từ tài sản sinh học tại thời điểm thu hoạch được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá gốc và chuyển sang áp dụng chính sách kế toán hàng tồn kho của Công ty.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ của tài sản sinh học. Khoản dự phòng được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị thuần có thể thực hiện được và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ, đồng thời được hoàn nhập khi không còn nhu cầu trích lập hoặc mức dự phòng cần thiết giảm xuống.

Trình bày báo cáo tài chính

Tài sản sinh học được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tùy theo chu kỳ thu hoạch. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết từng loại tài sản sinh học và thuyết minh các thông tin trọng yếu theo quy định hiện hành.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chi các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

11. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Lợi thế tiền thuê đất trả trước

Lợi thế tiền thuê đất trả trước thể hiện giá trị lợi thế khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng được xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2016 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực 12. Lợi thế tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê còn lại, tính từ ngày Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2044).

29-C
Y
IN
U
ik
1-1.07

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

12. Phải trả người bán và chi phí phải trả

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cổ đông, thành viên góp vốn về cổ tức, lợi nhuận đã được phê duyệt phân phối nhưng chưa thanh toán. Khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty không còn quyền từ chối nghĩa vụ chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán liên quan của doanh nghiệp.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại ($\leq$ hoặc > 12 tháng) và nghĩa vụ thanh toán tại thời điểm báo cáo.

Nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ...) được phân bổ theo thời hạn vay; lãi vay tuân thủ nguyên tắc vốn hóa theo chuẩn mực liên quan.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết theo từng khoản vay, từng hợp đồng, từng đối tượng cho vay và kỳ hạn để phục vụ quản lý và trình bày BCTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

15. Ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp đủ điều kiện vốn hóa. Chi vốn hóa khi khoản vay trực tiếp liên quan đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện và chắc chắn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí vốn hóa gồm lãi vay và các chi phí trực tiếp liên quan đến khoản vay như phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ vay. Việc vốn hóa được thực hiện trong giai đoạn xây dựng và dừng khi tài sản đủ điều kiện đưa vào sử dụng hoặc bán. Các khoản vay không đủ điều kiện vốn hóa thì ghi nhận toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

16. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

UỐC
CÔ
C
Đ
VM

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty phát sinh quyền được nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vốn. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận doanh thu tài chính, chỉ theo dõi tăng số lượng cổ phiếu thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận phù hợp với doanh thu của giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự phòng

58
3T
H
C
L
10

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND***1. Tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ không bị hạn chế sử dụng	Số cuối kỳ ,	Số đầu năm
Tiền mặt	1.430.675.464	1.300.567.095
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	44.134.100.344	77.815.712.490
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	34.691.349.340	30.817.920.818
- Ngân hàng No&PT Nông thôn Việt Nam	6.314.591.372	21.743.080.218
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.931.187.345	22.364.535.976
- Các ngân hàng khác	1.196.972.287	2.890.175.478
Các khoản tương đương tiền (*)	36.194.753.424	20.076.136.986
Cộng	81.759.529.232	99.192.416.571

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	-	-	10.000.000.000	50.219.178	10.050.219.178
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk			-	10.000.000.000	50.219.178	10.050.219.178
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	35.000.000.000	180.178.082	35.180.178.082	10.000.000.000	25.917.808	10.025.917.808
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	10.000.000.000	56.547.945	10.056.547.945	10.000.000.000	25.917.808	10.025.917.808
- VietinBank - CN Đắk Lắk	25.000.000.000	123.630.137	25.123.630.137			
Tiền cho vay có kỳ hạn 3 tháng	1.000.000.000	14.575.342	1.014.575.342			
TNAE Co	1.000.000.000	14.575.342	1.014.575.342			
Cộng	36.000.000.000	194.753.424	36.194.753.424	20.000.000.000	76.136.986	20.076.136.986

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ			Giá trị ghi sổ		
	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.800.000.000	221.607.671	14.021.607.671	-	-	-
+ Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	15.000.000.000	55.318.515	15.055.318.515	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	10.000.000.000	171.232.877	10.171.232.877
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.205.101.683	12.270.330	1.217.372.013	1.202.760.780	-	1.202.760.780
+ Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	10.000.000.000	51.835.616	10.051.835.616	-	-	-
+ Các ngân hàng khác	1.000.000	12.205	1.012.205	-	-	-
Cộng	40.006.101.683	341.044.337	40.347.146.020	11.202.760.780	171.232.877	11.373.993.657

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.2)	3.757.574.500	3.757.574.500	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty CP chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu các khách hàng khác	41.345.264.251	11.350.982.800	23.088.369.891	9.989.067.800
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800	9.989.067.800	9.989.067.800
Công ty TNHH SX Nguyên Phụ Liệu Ngành May Hải Hiền	5.136.020.160	-	3.028.241.700	-
Công ty TNHH TMDV Sản Xuất Quán Quân	3.136.718.845	-	1.832.587.367	-
Các khách hàng khác	23.083.457.446	1.361.915.000	8.238.473.024	-
Cộng	45.102.838.751	15.108.557.300	26.845.944.391	13.746.642.300

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	11.870.594.816	13.485.296.416
Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Trần Thái Linh	-	3.496.743.600
CEEBEE CHEMICALS SDN BHD	728.387.802	1.604.815.740
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Các đối tượng khác	5.522.373.881	2.763.903.943
Cộng	11.870.594.816	13.485.296.416

Tại ngày 30/09/2026 trong tổng số khoản trả trước cho người bán có 6.160.872.731 đồng tồn đọng từ trước cổ phần hóa chưa thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

5. Phải thu khác**5.1. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.048.431.776	1.034.320.349	3.357.378.502	1.034.320.349
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349
Phải thu nhân viên về BHXH	1.555.343.760	-	893.864.399	-
Tạm ứng	1.946.272.178	7.500.000	964.135.323	7.500.000
Ký cược, ký quỹ	55.100.000	-	53.000.000	-
Các đối tượng khác	464.895.489	-	419.558.431	-
Cộng	5.048.431.776	1.034.320.349	3.357.378.502	1.034.320.349

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

5.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.670.556.219	2.670.556.219	2.711.518.671	2.709.418.671
Đầu tư cao su liên kết (*)				-
- Nông trường cao su Cư Mgar	2.275.827.912	2.275.827.912	2.314.690.364	2.314.690.364
- Nông trường cao su Phú Xuân	394.728.307	394.728.307	394.728.307	394.728.307
Ký cược, ký quỹ	-	-	2.100.000	-
Cộng	2.670.556.219	2.670.556.219	2.711.518.671	2.709.418.671

Đây là các khoản phải thu đầu tư cao su liên kết với các hộ dân, theo đó công ty đầu tư chỉ phí ban đầu trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su theo từng hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi thu hồi hết giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cây cao su.

Trong một số trường hợp, do năng suất cây cao su không đạt yêu cầu khai thác, các hộ dân nhận đầu tư sẽ không thể hoàn trả lại chi phí đã được đầu tư, khi đó, giá trị đầu tư sẽ được trích lập dự phòng.

6. Dự phòng phải thu khó đòi**6.1. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	-	4.443.540.077	-
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	-	1.176.293.056	-
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	-	1.026.820.349	-
Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	-	3.757.574.500	-
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	-	9.989.067.800	-
Công ty TNHH Agritechco	762.810.000	-	762.810.000	-
Các đối tượng khác	1.147.644.598	-	591.924.598	-
Cộng	22.303.750.380	-	21.748.030.380	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Kỳ này (Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026)	Kỳ trước (Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025)
Số đầu năm	(21.748.030.380)	(22.381.360.380)
Trích lập dự phòng bổ sung	(555.720.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	633.330.000
Số cuối kỳ	(22.303.750.380)	(21.748.030.380)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

6.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nông trường cao su Cư Mgar	2.275.827.912	-	2.314.690.364	-
Nông trường cao su Phú Xuân	394.728.307	-	394.728.307	-
Cộng	2.670.556.219	-	2.709.418.671	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:

	Kỳ này (Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026)	Kỳ trước (Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025)
Số đầu năm	(2.709.418.671)	(2.984.024.025)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	38.862.452	273.624.812
Cộng	(2.670.556.219)	(2.710.399.213)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.834.723.782	(401.558.495)	13.829.603.984	(401.558.495)
Công cụ, dụng cụ	7.450.823.239	-	7.059.835.476	-
Chi phí SXKD dở dang	11.832.047.647	-	14.268.605.687	-
Sản phẩm	136.812.079.232	-	97.614.057.497	-
Hàng hóa	1.414.361.317	-	198.525.679	-
Hàng gửi đi bán	-	-	4.042.289.090	-
Cộng	177.344.035.217	(401.558.495)	137.012.917.413	(401.558.495)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị kinh doanh cao su	11.593.670.025	9.376.064.159
Chi phí SXKD sâu riêng		4.892.541.528
Chi phí SXKD dở dang khác	238.377.622	
Cộng	11.832.047.647	14.268.605.687

- Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ bao gồm phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các nguyên vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 30/09/2026 chưa sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốt các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60...
- Hàng hóa là bia, nước ngọt, hàng lưu niệm ở Khách sạn Dakruco.
- Một số hàng tồn kho giảm giá, kém phẩm chất, ứ đọng đã được trích lập dự phòng tại 30/09/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/09/2026.

8. Chi phí chờ phân bổ**8.1. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	260.289.334	292.590.873
Chi phí bảo hiểm	128.694.075	255.721.674
Chi phí sửa chữa, thay thế	521.877.054	147.645.013
Chi phí chờ phân bổ khác ngắn hạn	787.092.599	121.530.859
Cộng	1.697.953.062	817.488.419

8.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, thay thế	5.780.034.866	6.362.087.147
Lợi thế quyền thuê đất trả trước theo định giá GTDN (*)	4.456.810.244	4.637.693.099
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	793.214.645	1.388.434.390
Chi phí chờ phân bổ khác dài hạn	1.876.858.384	906.467.084
Cộng	12.906.918.139	13.294.681.720

(*) Lợi thế tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê còn lại (306 tháng) tính từ ngày Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2044)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	325.929.827.975	282.593.283.262	86.310.853.707	3.689.395.269	755.793.430.287	687.875.636	1.455.004.666.136
Tăng trong kỳ	7.381.609.051	1.618.143.407	3.399.960.440	143.009.259	175.615.588.164	-	188.158.310.321
- Do mua sắm	149.361.111	1.618.143.407	-	143.009.259	-	-	1.910.513.777
- Do XDCB hoàn thành	7.232.247.940	-	3.399.960.440	-	175.615.588.164	-	186.247.796.544
Giảm trong kỳ	-	(525.394.055)	(1.404.409.000)	(34.000.000)	(21.568.665.043)	-	(23.532.468.098)
- Do T/lý, nhượng bán	-	(525.394.055)	(1.404.409.000)	(34.000.000)	(21.568.665.043)	-	(23.532.468.098)
Số cuối kỳ	333.311.437.026	283.686.032.614	88.306.405.147	3.798.404.528	1.063.887.276.529	687.875.636	1.619.630.508.359
<i>Trong đó:</i>							
- Đã khấu hao hết	117.999.723.119	186.621.948.047	34.006.573.362	2.551.819.511	7.525.967.176	111.902.000	348.817.933.215
nhưng vẫn còn sử dụng							
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	211.738.006.816	269.020.453.227	48.521.834.303	2.688.524.509	200.839.247.051	368.303.151	733.176.369.057
Khấu hao trong kỳ	6.122.508.405	6.611.586.871	3.316.944.466	48.034.964	30.031.889.846	63.332.190	46.194.296.742
Giảm trong kỳ	-	(518.894.054)	(1.400.327.737)	(34.000.000)	(5.697.765.322)	-	(7.650.987.113)
- Do T/lý, nhượng bán	-	(518.894.054)	(1.400.327.737)	(34.000.000)	(5.697.765.322)	-	(7.650.987.113)
Số cuối kỳ	217.860.515.221	275.113.146.044	50.438.451.032	2.702.559.473	219.475.606.253		771.719.678.686
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	114.191.821.159	13.572.830.035	37.789.019.404	1.000.870.760	554.954.183.236	319.572.485	721.828.297.079
Số cuối kỳ	115.450.921.805	8.572.886.570	37.867.954.115	1.095.845.055	844.411.670.276	687.875.636	847.910.829.673

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Công nghệ kiểm phẩm	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (*)	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.727.596.658	300.000.000	15.325.349.318	18.352.945.976
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.209.006)	(7.209.006)
Số cuối kỳ	2.727.596.658	300.000.000	15.318.140.312	18.345.736.970
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.067.596.658	300.000.000	-	2.367.596.658
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.103.546.658	300.000.000	-	2.403.546.658
Khấu hao trong kỳ	78.750.000	-	-	78.750.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.182.296.658	300.000.000	-	2.482.296.658
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	624.050.000	-	15.325.349.318	15.949.399.318
Số cuối kỳ	545.300.000	-	15.318.140.312	15.863.440.312

(*) Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã đánh giá giá trị vườn cây cao su đang kinh doanh theo quy định tại Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC. Giá trị thực tế của vườn cây cao su đang kinh doanh được xác định dựa vào Giá trị còn lại đã điều chỉnh của vườn cây cao su, Hệ số phân loại vườn cây và Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC, giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

11. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cây trồng lấy sản phẩm một lần dài hạn	383.730.905	383.730.905	446.838.105	446.838.105
Cây lâm nghiệp FSC	1.589.705.691	1.589.705.691	1.105.190.274	1.105.190.274
Cây keo (lấy gỗ)	383.730.905	383.730.905	446.838.105	446.838.105
Cộng	1.973.436.596	1.973.436.596	1.552.028.379	1.552.028.379

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Trong đó, tại ngày 30/09/2026:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không có tài sản sinh học dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản nợ phải trả.
- Công ty không có các cam kết về đầu tư hoặc mua các tài sản sinh học.
 - *Phương pháp phân bổ chi phí chăm sóc, nuôi trồng trong kỳ đối với các tài sản sinh học mẹ, tài sản sinh học mới tạo ra, sản phẩm nông nghiệp...;*
Công ty phát sinh chi phí chăm sóc, trồng cây theo thực tế phát sinh theo quy định về kỹ thuật.
 - *Các khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học (nếu có);*
Công ty không phát sinh.
 - *Các thay đổi như thuyết minh về giá trị hợp lý trừ chi phí bán của tài sản sinh học mà doanh nghiệp có thể quan sát được và có thể đo đếm được (nếu có);*
Công ty không phát sinh.

C.P.
Đ.L.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Diện tích (ha)	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí chờ phân bổ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Đầu tư trồng cao su		646.780.048.298	99.486.676.587	(175.615.588.164)	-	(613.415.529)	570.037.721.192
<i>Nông trường Phú Xuân</i>		<i>324.416.200.585</i>	<i>18.713.850.145</i>	<i>(131.070.358.034)</i>	-	<i>(3.000.000)</i>	<i>212.056.692.696</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2016	-	60.676.494.144	24.916.219	(60.701.410.363)	-	-	-
Vườn cây cao su trồng năm 2017	89,00	72.545.083.795	1.413.446.459	(54.488.868.168)	-	-	19.469.662.086
Vườn cây cao su trồng năm 2018	180,34	48.739.564.762	2.551.056.239	(15.880.079.503)	-	(3.000.000)	35.407.541.498
Vườn cây cao su trồng năm 2019	182,90	29.415.696.786	2.596.117.377	-	-	-	32.011.814.163
Vườn cây cao su trồng năm 2020	321,63	52.566.418.340	5.277.581.164	-	-	-	57.843.999.504
Vườn cây cao su trồng năm 2021	416,20	60.472.942.758	6.850.732.687	-	-	-	67.323.675.445
<i>Nông trường Cư K'pô</i>		<i>224.670.253.417</i>	<i>15.702.526.425</i>	<i>(40.645.803.565)</i>	-	<i>(2.629.288)</i>	<i>199.724.346.989</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2016		40.628.570.833	17.232.732	(40.645.803.565)	-	-	-
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	70.182.316.568	5.105.679.476	-	-	-	75.287.996.044
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	50.568.534.317	3.986.622.938	-	-	-	54.555.157.255
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	44.162.958.624	4.304.093.611	-	-	(2.629.288)	48.464.422.947
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	19.127.873.075	2.288.897.668	-	-	-	21.416.770.743
Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC				-	-	-	-
<i>Nông trường 19/8</i>		<i>8.812.664.800</i>	-	-	-	-	<i>8.812.664.800</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2017 (*)	85,82	8.812.664.800	-	-	-	-	8.812.664.800

(*) Đây là giá trị vườn cây cao su đã có Quyết định thu hồi theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã ngừng đầu tư chăm sóc. Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng là chủ đầu tư dự án đã tạm ứng tiền bồi thường cho Công ty 10.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng không đủ điều kiện thực hiện dự án nên chưa thanh toán đủ tiền bồi thường cho Công ty theo phương án đã được phê duyệt, do đó hiện nay Công ty vẫn chưa bàn giao đất cho Nhà nước và đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản người mua trả tiền trước (xem thuyết minh số V.15)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

	Diện tích (ha)	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí chờ phân bổ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Nông trường Cư M'gar		82.399.707.013	51.502.498.231	(3.899.426.565)	-	(607.786.241)	129.394.992.438
Vườn cây cao su trồng năm 2019		3.897.208.111	2.218.454	(3.899.426.565)	-	-	-
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	17.311.378.999	1.891.519.476	-	-	-	19.202.898.475
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	16.064.028.319	2.096.221.186	-	-	(300.000)	18.159.949.505
Vườn cây cao su trồng năm 2024	27,80	1.998.345.309	462.220.229	-	-	(18.117.484)	2.442.448.054
Vườn cây cao su trồng năm 2025	763,79	27.178.643.374	14.564.400.746	-	-	(215.976.094)	41.527.068.026
Vườn cây cà phê trồng xen năm		15.368.237.248	12.818.959.494	-	-	(373.392.663)	27.813.804.079
Vườn cây cà phê trồng xen năm		-	18.388.211.979	-	-	-	18.388.211.979
Trồng mới năm 2025 - Cây Cau		581.865.653	83.236.483	-	-	-	665.102.136
Trồng mới năm 2026 - Cây Cau			833.593.600				833.593.600
Vườn sầu riêng trồng năm 2026			361.916.584				361.916.584
Dự án nông nghiệp công nghệ cao		6.481.222.483	13.567.801.786	-	-	-	20.049.024.269
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2024	11,73	1.741.431.607	490.917.813	-	-	-	2.232.349.420
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2025	50,05	3.467.724.235	2.276.455.714	-	-	-	5.744.179.949
Vườn cà phê trồng xen năm 2025		1.272.066.641	1.130.920.268	-	-	-	2.402.986.909
Vườn cà phê trồng xen năm 2026		-	8.264.962.341	-	-	-	8.264.962.341
Vườn sầu riêng trồng năm 2026	23,47	-	1.404.545.650	-	-	-	1.404.545.650
Đầu tư xây dựng cơ bản khác		1.674.616.683	26.638.214.653	(10.373.546.012)	(3.981.504.850)	(2.513.014.223)	11.444.766.251
Văn phòng Công ty		1.674.616.683	21.431.378.175	(10.373.546.012)	(2.751.378.612)		9.981.070.234
Nhà máy chế biến chi thun			418.726.592		(407.936.592)	(10.790.000)	-
Nhà máy chế biến mủ cao su			4.788.109.886		(822.189.646)	(2.502.224.223)	1.463.696.017
Cộng		648.454.664.981	126.124.891.240	(185.989.134.176)	(3.981.504.850)	(3.126.429.752)	581.482.487.443

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	336.936.495.284	369.273.400.675	-	388.387.995.284	507.436.224.681	-
- Công ty CP Cao su Daknoruco (*)	19.775.566.455	38.564.848.388	-	19.775.566.455	38.862.653.475	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (*)	316.160.928.829	329.523.780.546	-	368.612.428.829	468.573.571.206	-
- Công ty TNHH Kiểm nghiệm và XK Nông sản Tây Nguyên (TNAE) (*) (i)	1.000.000.000	1.184.771.741	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	339.120.808.995	522.618.246.849	(101.672.256)	339.120.808.995	435.969.627.033	(101.672.256)
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (ii)	331.155.361.846	513.864.000.000	-	331.155.361.846	428.220.000.000	-
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (iii)	101.672.256	-	(101.672.256)	101.672.256	-	(101.672.256)
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su (*)	7.863.774.893	8.754.246.849	-	7.863.774.893	7.749.627.033	-
Đầu tư vào đơn vị khác	7.939.327.297	7.941.814.075	-	7.939.327.297	9.344.686.560	-
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk (*)	7.939.327.297	7.941.814.075	-	7.939.327.297	9.344.686.560	-
Cộng	683.996.631.576	899.833.461.599	(101.672.256)	735.448.131.576	952.750.538.275	(101.672.256)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính (riêng) do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ. Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

(i) Theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025, Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua chủ trương cho Ban điều hành Công ty ký biên bản ghi nhớ và hợp đồng góp vốn với hai đối tác khác để thành lập Công ty TNHH Kiểm nghiệm và Xuất khẩu nông sản Tây Nguyên với tỷ lệ góp vốn 33,33% vốn điều lệ (tương ứng 7 tỷ đồng). Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 24/04/2026, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất phương án chuyển đổi Công ty TNHH Kiểm nghiệm và Xuất khẩu nông sản Tây Nguyên thành Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (đã niêm yết trên sàn UpCom) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này tại ngày 30/09/2026 là 15.600 đồng/CP có giá thị trường cao hơn giá gốc khoản đầu tư. Mặt khác, theo Báo cáo tài chính của Công ty này tại ngày 30/09/2026, vốn chủ sở hữu của Công ty tại Công ty này vẫn được bảo toàn, Công ty vẫn nhận được cổ tức từ Công ty này nên không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- (iii) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã bị âm. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất 100% đối với khoản đầu tư này.

Thông tin bổ sung

Tình hình hoạt động	Số cuối kỳ			Số đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu	
Đầu tư vào Công ty con							
- Công ty CP Cao su Daknoruco	Đang hoạt động	2.568.100	73,37%	73,37%	2.568.100	73,37%	73,37%
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	Đang hoạt động	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH Kiểm nghiệm và XK Nông sản Tây Nguyên	Đang hoạt động	-	100,00%	100,00%			
Đầu tư vào Công ty liên kết							
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Đang hoạt động	32.940.000	45,00%	45,00%			
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Đang chờ giải thể	301.998	45,13%	45,13%	301.998	45,13%	45,13%
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Đang hoạt động	540.000	28,79%	28,79%	540.000	28,79%	28,79%
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đang hoạt động	-	10,37%	10,37%	-	9,77%	9,77%

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, các công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.2

Số cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm cố thế chấp vay tại ngày 30/09/2026 là 6.000.000 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn như sau:

	Kỳ này (Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026)	Kỳ trước (Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025)
Số đầu năm	(101.672.256)	(101.672.256)
Trích lập dự phòng bổ sung	(96.704.289)	-
Hoàn nhập dự phòng	96.704.289	-
Số cuối kỳ	(101.672.256)	(101.672.256)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.	852.556.194	211.940.125
Công ty CP kỹ thuật cao su	852.556.194	211.940.125
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	46.538.533.953	44.084.087.836
Công ty TNHH Thịnh Gia Huy L.A	4.616.549.667	-
Công ty TNHH Văn Chức	5.458.179.849	11.738.125.622
Công ty TNHH MTV Vương Khải	-	6.394.585.500
Công ty CP tổng công ty Sông Gianh	3.618.087.000	5.510.062.751
Công ty CP XNK phân bón Minh Tân	5.108.880.850	540.163.000
Công ty TNHH Seikou THDONA	2.749.327.177	48.768.900
Công ty TNHH SX-TM-DV 999	8.454.817.349	672.487.500
Các đối tượng khác	16.532.692.061	19.179.894.563
Cộng	47.391.090.147	44.296.027.961

Tại ngày 30/09/2026, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	21.590.562.188	15.400.615.661
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Quang Giảng	-	4.889.947.650
Evermore & Co.International Corp	4.221.922.320	-
Luu Gia Australia PTY LTD	2.628.589.018	-
Công ty TNHH TMDV Song Phương	1.936.872.000	-
NWCC HK Limited	1.276.178.025	-
Trả trước các đối tượng khác	1.527.000.825	510.668.011
Cộng	21.590.562.188	15.400.615.661

(*) Khoản ứng trước kinh phí bồi thường tài sản trên đất để thực hiện dự án: Thành phố giáo dục quốc tế Đắk Lắk. Hiện nay dự án này đang tạm dừng do chưa hoàn thiện pháp lý.

Tại ngày 30/09/2026, Công ty không có khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

16. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức lợi nhuận phải trả cho các cổ đông	26.079.492.532	5.552.940
Cộng	<u>26.079.492.532</u>	<u>5.552.940</u>

Trong đó, cổ tức phải nộp ngân sách nhà nước (chiếm 98,94% vốn điều lệ) là 26.049.930.400 đồng.

017.
ONG
PI
AO
K.
17HL

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	371.487	-	3.307.181.357	(3.307.552.844)		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	753.877.949	(753.877.949)		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	910.394	(910.394)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.817.628.456	-	9.027.721.584	(11.000.000.000)	7.845.350.040	
Thuế thu nhập cá nhân	12.480.467	-	1.912.272.307	(1.383.871.885)	540.880.889	
Thuế tài nguyên	5.723.134	-	56.780.228	(49.027.301)	13.476.061	
Thuế nhà đất	-	(20.171.675)				(20.171.675)
Tiền thuê đất	13.829.178.760	-	22.107.222.906	(22.713.768.025)	13.222.633.641	
Các loại thuế khác	643.370	-	34.589.444	(32.782.771)	2.450.043	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-			-	-
Cộng	23.666.025.674	(20.171.675)	37.200.556.169	(39.241.791.169)	21.624.790.674	(20.171.675)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động như sau:

- Mủ cao su, chỉ thun, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu: áp dụng thuế suất 0%.
- Mủ cao su tiêu thụ nội địa: áp dụng thuế suất 5%
- Sản phẩm chỉ thun tiêu thụ nội địa, dịch vụ khách sạn, lưu trú: áp dụng thuế suất 10%

Một số nhóm hàng hóa, dịch vụ của Công ty đang áp dụng mức thuế suất 10% được giảm còn 8% theo quy định của Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	107.765.256.186	70.912.375.420
Cộng	<u>107.765.256.186</u>	<u>70.912.375.420</u>

Quỹ lương được xác lập hàng năm theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức, cá nhân khác	3.755.810.769	7.007.508.417
<i>Văn phòng và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc</i>	<i>3.434.360.653</i>	<i>6.732.194.839</i>
- Trích trước chi phí lãi vay	2.273.451.508	3.013.923.289
- Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm (trái cây)	500.000.000	-
- Chi phí bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật	62.058.451	-
- Chi phí điện,...	403.534.676	-
- Chi phí quản lý trồng xen	-	1.360.834.000
- Chi phí phải trả khác	195.316.018	2.357.437.550
<i>Cụm khách sạn Dakruco</i>	<i>25.961.827</i>	<i>21.639.665</i>
- Chi phí phải trả khác	25.961.827	21.639.665
<i>Nhà máy chế biến Chỉ thun</i>	<i>295.488.289</i>	<i>253.673.913</i>
- Chi phí đồng phục, giới thiệu sản phẩm	18.000.000	78.000.000
- Chi phí xử lý chất thải nguy hại, nước thải sau sản xuất	-	30.788.969
- Chi phí phải trả khác	277.488.289	144.884.944
Cộng	<u>3.755.810.769</u>	<u>7.007.508.417</u>

20. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các bên liên quan	-	-
Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	29.978.684.856	29.109.561.375
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	29.130.048.460	29.032.288.637
Doanh thu cho thuê mặt bằng	848.636.396	77.272.738
Cộng	29.978.684.856	29.109.561.375

21. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn

21.1. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.2)	1.547.966.610	2.047.405.190
Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	1.547.966.610	2.047.405.190
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	35.884.329.109	28.494.738.295
Phải trả về cổ phần hóa	-	24.446.403.457
Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ (giai đoạn trước cổ phần hóa)	27.698.336.354	-
Kinh phí công đoàn nộp lên CĐ ngành	1.565.238.004	1.370.330.706
Các khoản phải trả khác	6.620.754.751	2.678.004.132
Cộng	37.432.295.719	30.542.143.485

21.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	14.852.804.162	76.106.864.008
Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ (giai đoạn trước cổ phần hóa)	-	54.655.211.872
Bùi Thị Kim Anh (*)	4.063.490.000	3.943.490.000
Công ty Cổ phần Thuốc lá Hồ Lắk (*)	1.192.586.000	1.801.626.000
Lưu Thanh Điệp (*)	1.178.520.000	1.178.520.000
Công ty TNHH NN Công nghệ cao Hồng Thuận (*)	539.616.499	1.098.324.499
Dương Đức Cường (*)	-	873.000.000
Công ty Cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê (*)	813.097.400	813.097.400
Công ty Cổ phần Tâm An Đắk Lắk (*)	6.000.000	6.000.000
Các đối tượng khác	7.059.494.263	11.737.594.237
Cộng	14.852.804.162	76.106.864.008

(*) Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao, thời hạn 4 - 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**22.1. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	27.975.000.000	27.975.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>27.975.000.000</i>	<i>27.975.000.000</i>	<i>22.500.000.000</i>	<i>22.500.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	27.975.000.000	27.975.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000
Cộng	27.975.000.000	27.975.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác	Kết chuyển từ nợ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.500.000.000	-	(26.475.000.000)	-	31.950.000.000	27.975.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>22.500.000.000</i>	-	<i>(26.475.000.000)</i>	-	<i>31.950.000.000</i>	<i>27.975.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	22.500.000.000	-	(26.475.000.000)	-	31.950.000.000	27.975.000.000
Cộng	22.500.000.000	-	(26.475.000.000)	-	31.950.000.000	27.975.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

22.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.2)	40.000.000.000	40.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (i)	40.000.000.000	40.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	285.750.194.400	285.750.194.400	279.337.697.687	279.337.697.687
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>285.650.000.000</i>	<i>285.650.000.000</i>	<i>276.600.000.000</i>	<i>276.600.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	285.650.000.000	285.650.000.000	276.600.000.000	276.600.000.000
<i>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>100.194.400</i>	<i>100.194.400</i>	<i>2.737.697.687</i>	<i>2.737.697.687</i>
- Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	100.194.400	100.194.400	2.737.697.687	2.737.697.687
Cộng	325.750.194.400	325.750.194.400	359.337.697.687	359.337.697.687

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác	Kết chuyển sang nợ vay ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.2)	80.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-	-	40.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (i)	80.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-	-	40.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	279.337.697.687	41.000.000.000	-	(2.637.503.287)	(31.950.000.000)	285.750.194.400
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>276.600.000.000</i>	<i>41.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(31.950.000.000)</i>	<i>285.650.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	276.600.000.000	41.000.000.000	-	-	(31.950.000.000)	285.650.000.000
<i>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>2.737.697.687</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(2.637.503.287)</i>	<i>-</i>	<i>100.194.400</i>
- Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	2.737.697.687	-	-	(2.637.503.287)	-	100.194.400
Cộng	359.337.697.687	41.000.000.000	(40.000.000.000)	(2.637.503.287)	(31.950.000.000)	325.750.194.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo Hợp đồng vay vốn:

Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ký ngày 22/05/2023: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 60 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.85.1003/2025-HĐCVTL/NHCT502-CAOSUDAKLAK ký ngày 19/03/2025: Số tiền vay tối đa là 300.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Thanh toán bù đắp chi phí đầu tư tái canh trồng mới và chăm sóc cây cao su (5.617,8 ha) tại huyện KrôngBuk và huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk do Công ty làm chủ đầu tư trong giai đoạn năm 2015 - 2024. Lãi suất cho vay tính 8,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 120 tháng được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận: CT 03866 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2021: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 2; tài sản thế chấp là quyền khai thác mù cao su, gỗ cao su và các quyền, lợi ích khác từ vườn cây cao su thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tọa lạc trên các thửa đất, tờ bản đồ số 1, 2, 4-9, 11-15 địa chỉ xã Chư Kpô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk; vườn cây cao su tọa lạc trên các thửa đất, tờ bản đồ số 44, 45, 46, 47, 48 địa chỉ xã Ea Drơng, huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 26.85.1002/2026-HĐCVTL/NHCT502-CAOSUDAKLAK ký ngày 09/03/2026: Số tiền vay tối đa là 235.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Thanh toán bù đắp để thực hiện đầu tư Dự án trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê (729,17 ha) tại Nông trường Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk. Lãi suất cho vay tính 9,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 144 tháng được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA03382945 do văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/09/2025; (gồm 41 thửa tờ bản đồ số 77,78, diện tích 6.653.786,0 m² - đất trồng cây lâu năm 6.250.957,3 m² đất trồng cây lâu năm, 256.718,5 m² đất trồng cây hàng năm khác, đất sản xuất nông nghiệp: 146.110,2 m² - đường lô phục vụ sản xuất) tọa lạc tại xã Dray Bông, Tỉnh Đắk Lắk.

(iii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013, không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Chi nhánh Nhà máy chế biến chi thun - Công ty CP Cao su Đắk Lắk) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35.447.380.565	26.957.913.600	17.681.132.080	3.723.156.503	66.128.450.668
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.072.862.991	227.448.333		(220.448.000)	1.079.863.324
Cộng	36.520.243.556	27.185.361.933	17.681.132.080	3.502.708.503	67.208.313.992

24. Vốn chủ sở hữu**24.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.558.000.000.000	38.093.910.491	88.936.870.024	1.685.030.780.515
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	76.458.930.528	76.458.930.528
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	15.153.712.000	(15.153.712.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(21.790.944.599)	(21.790.944.599)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(51.881.400.000)	(51.881.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.558.000.000.000	53.247.622.491	76.569.743.953	1.687.817.366.444
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.558.000.000.000	53.247.622.491	76.569.743.953	1.687.817.366.444
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	114.907.098.718	114.907.098.718
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	22.937.679.000	(22.937.679.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(27.185.361.933)	(27.185.361.933)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(26.330.200.000)	(26.330.200.000)
Số dư tại ngày 30/09/2026	1.558.000.000.000	76.185.301.491	115.023.601.738	1.749.208.903.229

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2026. Trích lập các quỹ với số tiền: 50.123.040.933 đồng, cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 22.937.679.000 đồng
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 26.957.913.000 đồng
 - Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty: 227.448.333 đồng
- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 26.330.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%
Các cổ đông khác	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000	1,06%
	1.558.000.000.000	100,00%	1.558.000.000.000	100,00%

24.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	76.569.743.953	88.936.870.024
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	114.907.098.718	76.458.930.528
Phân phối lợi nhuận	(76.453.240.933)	(88.826.056.599)
Phân phối lợi nhuận năm trước	(53.515.561.933)	(73.672.344.599)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(22.937.679.000)	(15.153.712.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(26.957.913.600)	(21.470.079.317)
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	(227.448.333)	(320.865.282)
- Chia cổ tức cho các cổ đông	(26.330.200.000)	(51.881.400.000)
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.023.601.738	76.569.743.953

25. Tài khoản ngoài bảng**25.1. Ngoại tệ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	765.770,57	767.001,07
Đô la Canada (CAD)	20,00	20,00

25.2. Tài sản nhận giữ hộ

b. Tài sản nhận giữ hộ		Số cuối kỳ	
Chỉ tiêu			
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
Cộng	273.368.165	(273.368.165)	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1. Tổng doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu đối với các đối tượng khác	234.456.913.074	173.272.032.034
Doanh thu bán mủ cao su	162.144.993.898	128.267.819.459
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	6.623.697.835	5.272.891.663
Doanh thu sản phẩm chỉ thun, Acid	35.032.229.310	25.869.694.320
Doanh thu trái cây (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)	25.667.649.950	5.775.858.828
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	3.871.779.271	6.835.367.879
Doanh thu hoạt động khác	1.116.562.810	1.250.399.885
Cộng	234.456.913.074	173.272.032.034

1.2. Doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1.2)

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	427.552.000	427.552.000
Doanh thu trái cây	25.669.505.858	
Doanh thu hoạt động khác	1.500.768	1.440.450
Cộng	26.098.558.626	428.992.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán mũ cao su thành phẩm	163.974.407.939	124.199.446.341
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	6.498.109.642	6.039.776.143
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	36.688.682.287	27.519.968.956
Giá vốn trái cây (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)	24.164.264.746	2.914.582.400
Giá vốn hoạt động khác	1.118.665.718	1.014.761.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	232.444.130.332	161.688.535.344

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	16.830.000.000
Lãi chênh lệch giá mua đầu tư	197.201.361	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	846.061.944
Lãi tiền gửi (có/không có kỳ hạn), lãi cho vay	1.089.285.214	399.070.313
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.933.067.504
Cộng	1.286.486.575	22.008.199.761

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	8.754.777.336	6.573.690.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá	552.368.893	256.904.303
Hoàn nhập dự phòng phải thu đầu tư cao su liên kết	(38.862.452)	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(96.704.289)	-
Chi phí tài chính khác	238.824.402	24.800.974
Cộng	9.410.403.890	6.855.395.738

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	80.479.564	43.786.189
Chi phí vật liệu, bao bì	709.327.298	528.060.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.929.640	20.911.280
Chi phí bằng tiền khác	2.905.735.662	2.622.599.642
Cộng	3.704.472.164	3.215.357.859

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.119.702.426	4.749.609.094
Chi phí vật liệu quản lý	138.601.164	229.819.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.514.334	246.338.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.042.748	269.058.419
Chi phí khác bằng tiền	(2.764.979.687)	
Cộng	9.175.880.985	5.494.825.138

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi thanh lý cây cao su, nhượng bán tài sản	-	370.851.486
Thu từ bồi thường cây cao su	77.199.281.000	
Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su hỗ trợ	1.485.158.560	
Thu nhập khác	87.805.937	7.952.135.278
Cộng	78.772.245.497	8.322.986.764

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản phạt và truy thu thuế, lãi chậm nộp	1.620.067	4.503.283
Chi phí khác	155.566.039	4.396.565.915
Cộng	157.186.106	4.401.069.198

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.20 và 3.21 mục 2 Phụ lục IV Thông tư số 99/2025/TT-BTC quy định chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chỉ tiêu này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền thu từ đi vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	41.000.000.000	283.914.204.263
Cộng	41.000.000.000	283.914.204.263

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi trả nợ vay theo khế ước thông thường	(66.475.000.000)	(308.371.887.270)
Cộng	(66.475.000.000)	(308.371.887.270)

VIII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

1.1. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ	Viết tắt
Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	Chủ sở hữu	
Công ty CP Cao su Daknoruco	Công ty con	Daknoruco
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Moldulkiri	Công ty con	Dakmoruco
Công ty TNHH Kiểm nghiệm và XK Nông sản Tây Nguyên	Công ty con	TNAE
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết	DRI
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết	DakruWood
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết	Dakrutech
Quý Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác	
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI	

1.2. Giao dịch với các bên liên quan**a. Doanh thu với các bên liên quan**

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	427.552.000	427.552.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	427.552.000	427.552.000
Doanh thu bán trái cây	25.669.505.858	
Công ty TNHH Kiểm nghiệm và XK Nông sản Tây Nguyên	25.669.505.858	
Doanh thu khác	1.500.768	1.440.450
Công ty CP Kỹ thuật cao su	1.500.768	1.440.450
Cộng	26.098.558.626	428.992.450

b. Giao dịch khác với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng	3.988.352.838	3.373.707.981
Công ty CP Kỹ thuật cao su	3.988.352.838	3.373.707.981
Giao dịch khác	408.821.917	408.328.768
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk Trả lãi vay	408.821.917	408.328.768
Cộng	4.397.174.755	3.782.036.749

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền			
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	Gửi tiết kiệm	10.056.547.945	20.076.136.986
Công ty TNHH Kiểm nghiệm và XK	Vay vốn của	1.014.575.342	
Nông sản Tây Nguyên	Công ty mẹ		
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty CP cao su Daknoruco			-
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk		3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu ngắn hạn khác			
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk (lãi dự thu)		110.712.328	
Phải trả người bán			
Công ty CP kỹ thuật cao su		858.389.194	211.940.125
Vay dài hạn			
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk		40.000.000.000	80.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)			
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk		522.683.013	1.481.547.946
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Moldolkiri		1.547.966.610	2.047.405.190
Phải trả cổ tức, lợi nhuận			
Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk		26.049.930.400	-

1.3. Thu nhập của Ban điều hành

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Quý III/2026			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	48.228.000	-	-	48.228.000
2	Lê Danh Thắng	Chủ tịch HĐQT	102.882.000			102.882.000
3	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	121.613.000	21.000.000	-	142.613.000
4	Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc	91.209.000	21.000.000	-	112.209.000
5	Nguyễn Văn Cúc	Phó Tổng Giám đốc	91.209.000	21.000.000	-	112.209.000
6	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	91.209.000	-	-	91.209.000
7	Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT	-	21.000.000	-	21.000.000
8	Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	58.207.000	21.000.000	-	79.207.000
9	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên HĐQT	61.808.000	21.000.000	-	82.808.000
10	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát	91.209.000	-	-	91.209.000
11	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	50.825.000	-	-	50.825.000
12	Âu Quý Vinh	Thành viên BKS	-	10.581.000	-	10.581.000
	Tổng cộng		808.399.000	136.581.000	-	944.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/09/2026 (Quý III/2026)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Quý III/2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	146.100.000			146.100.000
2	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	116.700.000	20.400.000		137.100.000
3	Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng giám đốc	87.000.000	20.400.000		107.400.000
4	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	80.439.000			80.439.000
5	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	76.401.000	20.400.000		96.801.000
6	Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	20.192.000	20.400.000		40.592.000
7	Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT		20.400.000		20.400.000
8	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	86.400.000			86.400.000
9	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	48.600.000			48.600.000
10	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên BKS	55.503.000	20.400.000		75.903.000
11	Âu Quý Vinh	Thành viên BKS	41.406.000	10.200.000		51.606.000
	Tổng cộng		758.741.000	132.600.000	-	891.341.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính (Riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý III/2025, kết thúc ngày 30/09/2025. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các thay đổi về mã số và các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) Quý III/2026.

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT. Tổng Giám đốc**Phó Tổng Giám đốc****Người lập biểu****Kế toán trưởng****HOÀNG THỊ THU SƯƠNG****LÊ THANH BÌNH****NGUYỄN TRẦN GIANG**